

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 48/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 08-10-2019

V/v: Ly hôn giữa bà Th và ông T.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cầm Văn Nam.
2. Bà Nguyễn Thị Hoài Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thuận - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 08 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 191/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019, về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2019/QĐXX-ST ngày 06 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Th, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số nhà 454 đường Trần Ph, xã Lộc Ng, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Ông Vũ Minh T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số nhà 85 đường Lê L, xã Lộc Th, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

(Tại phiên tòa bà Th có mặt, ông T vắng mặt và có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/5/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hoàng Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Vũ Minh T tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Nga, thành phố B vào ngày 14/6/2005. Sau khi kết hôn bà và ông T chung sống bình thường cho đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T thường xuyên bài bạc, ăn nhậu say xỉn về chửi mắng, đánh đập bà. Do không chịu được bà đã làm đơn ly hôn với ông T vào cuối năm 2018 và đã được Tòa án thụ lý sau đó bà lại rút đơn về để vợ chồng hàn gắn

tình cảm. Nhưng sau khi rút đơn ly hôn thì vợ chồng bà tiếp tục mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng hơn. Ông T đến chỗ làm việc của bà chửi mắng và gây gổ đánh đập bà. Bà và ông T đã sống mỗi người một nơi từ tháng 04 năm 2019 cho đến nay, mạnh ai nấy sống. Hiện nay bà không còn tình cảm gì với ông T, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Nay bà đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Vũ Hoàng Anh D, sinh ngày 19/02/2006; Vũ Hoàng Quốc K, sinh ngày 18/11/2012. Hiện nay 02 con đang sống với ông T. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi 01 con chung tên Vũ Hoàng Quốc K, vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung bà và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Bà và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà khai không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Vũ Minh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Hoàng Thị Th có đăng ký kết hôn đúng như bà Th đã trình bày. Hôn nhân tự nguyện tiến bộ không ai bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống cùng với bố mẹ ông tại xã Lộc Th, thành phố B. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà Th tự ý đi vay mượn tiền về sử dụng vào việc gì ông không biết, sau đó ông phải đứng ra trả nợ nên vợ chồng mâu thuẫn. Bản thân ông thỉnh thoảng cũng có đánh bài, uống rượu, khi nóng giận ông cũng có đánh vợ vài cái nên vợ chồng xảy ra xích mích, cãi vã. Từ tháng 04/2018 cho đến nay, bà Th bỏ nhà ra ngoài sinh sống, vợ chồng sống ly thân, không ai còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau. Khi bà Th bỏ đi ông có nói bà Th trở về nhưng bà Th không đồng ý, sau đó ông cũng không liên lạc nữa. Đến tháng 01/2019 thì bà Th đã làm đơn ly hôn đến Tòa án nhân dân thành phố B, Tòa án đã thụ lý nhưng sau đó bà Th đã rút đơn ly hôn để vợ chồng hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên sau khi bà Th rút đơn ly hôn thì bà Th vẫn không về sống chung với ông nữa. Nay ông vẫn còn tình cảm với bà Th và ông theo đạo Thiên chúa giáo nên ông không muốn ly hôn nhưng vì bà Th cương quyết ly hôn thì ông cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như bà Th trình bày là đúng. Từ khi bà Th bỏ ra ngoài sinh sống thì 02 con chung vẫn sống cùng với ông, bà Th thỉnh thoảng về thăm con nhưng không gửi tiền phụ giúp ông nuôi con. Khi ly hôn ông đề nghị nuôi 02 con chung. Hiện nay ông đang làm 03 sào vườn cà phê và làm phụ hồ thêm, thu nhập một ngày khoảng 250.000đ (hai trăm năm mươi ngàn đồng) đủ điều kiện kinh tế nên không yêu cầu bà Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông và bà Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông khai không có.

Ông T đã có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 207, khoản 2 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự qui định.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Th đối với ông T; Về con: giao con chung tên Vũ Hoàng Quốc K, sinh ngày 18/11/2012 cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung Vũ Hoàng Anh D, sinh ngày 19/02/2006 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, vấn đề cấp dưỡng nuôi con các bên tự thỏa thuận nên không xem xét; Về tài sản chung: các đương sự tự thỏa thuận; Nợ chung: các đương sự khai không có; Về án phí: buộc bà Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn ông Vũ Minh T đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt và có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án theo qui định pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Hoàng Thị Th và ông Vũ Minh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về tính cách, lối sống, thường xuyên cãi vã, xô xát. Cuộc sống chung không có sự hòa hợp. Qua xác minh tại chính quyền địa phương, người thân cho thấy do ông T thường uống rượu say xỉn về chửi mắng, đánh đập vợ. Từ giữa năm 2018 cho đến nay vợ chồng bà Th, ông T đã mỗi người sống một nơi. Phía ông T cũng thừa nhận từ khi bà Th bỏ nhà ra ngoài sinh sống, ông cũng đã khuyên nhủ bà Th quay về nhưng bà Th không đồng ý và cương quyết ly hôn với ông. Như vậy, tình trạng hôn nhân của bà Th và ông T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Th là có căn cứ.

[3]. Về con chung: Xét yêu cầu nuôi 01 con chung của bà Th thấy rằng, kể từ khi bà và ông T sống mỗi người một nơi thì cả 02 con chung đều sống với ông T,

các cháu được ông T chăm sóc, phát triển bình thường. Tòa án cũng đã xem xét nguyện vọng các con của ông T và bà Th thì các cháu xin được sống với ông T. Tuy nhiên, xét thấy một mình ông T nuôi cả 02 con thì điều kiện kinh tế cũng khó khăn nên giao cho ông T và bà Th mỗi người nuôi 01 con là phù hợp. Do vậy, giao con chung tên Vũ Hoàng Anh D, sinh ngày 19/02/2006 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung Vũ Hoàng Quốc K, sinh ngày 18/11/2012 cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung bà Th và ông T tự thỏa thuận nên không xem xét.

[4]. Về tài sản chung: Bà Th và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về nợ chung: Bà Th và ông T khai không có, trong quá trình giải quyết vụ án không ai có tranh chấp gì nên không xem xét.

[6]. Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[7]. Về án phí: Bà Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 51, 56, 81,82,83,84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Hoàng Thị Th và ông Vũ Minh T.
2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Vũ Hoàng Anh D, sinh ngày 19/02/2006 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung Vũ Hoàng Quốc K, sinh ngày 18/11/2012 cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và thay đổi nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung: Bà Th và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.
4. Về nợ chung: Bà Th và ông T đều khai không có.
5. Về án phí: Bà Hoàng Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là

300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0005443 ngày 03/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Bà Th đã nộp đủ án phí Dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- + Các đương sự;
- + VKSND thành phố B;
- + T.H.A thành phố B;
- + TAND tỉnh Lâm Đồng;
- + UBND xã Lộc Nga, thành phố B;
- + Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Hiền